

Bản án số: 509/2022/HNGĐ-ST

Ngày 28 tháng 12 năm 2022

Về việc: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vũ Bằng

Bà Nguyễn Huỳnh Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Cẩm Hường là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời tỉnh Cà Mau.

Ngày 28 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 685/2022/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc: Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 479/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T V**, sinh năm 1985 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bị đơn: Ông **Ngô Văn L**, sinh năm 1988 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 6B, thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Nguyễn Thị T V trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông Ngô Văn L chung sống vợ chồng được 17 năm, không có con, hôn nhân tự nguyện. Đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Ngày gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn chuyện gia đình, không hài hòa, mâu thuẫn ngày càng lớn nên sống không hạnh phúc. Nhận thấy, không thể tiếp tục chung sống được nữa nên trả tự do cho nhau là biện pháp tốt nhất cho cả hai, được tự tìm cuộc sống mới. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Ngô Văn Ly: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án

đã tiến hành triệu tập hợp lệ để hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử nhưng ông Ly vẫn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông Ngô Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để xét xử sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt không lý do; bà Nguyễn Thị T V có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T V và ông Ngô Văn L chung sống vợ chồng với nhau đến nay 17 năm, hôn nhân tự nguyện, đến năm 2021 mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện T, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà V và ông L được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp và bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án, bà V xác định hôn nhân không còn hạnh phúc, mong muốn được ly hôn và khẳng định đời sống hôn nhân không thể duy trì, trường hợp tiếp tục chung sống sẽ không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối với ông Ngô Văn L, Tòa án đã thông báo cho ông L biết yêu cầu khởi kiện của bà V nhưng ông L không ý kiến gì và cũng không có văn bản gửi Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của bà V được ly hôn với ông L.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Bà V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T V được ly hôn với ông Ngô Văn L.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng. Ngày 02/11/2022 bà V đã nộp tạm ứng 300.000 đồng theo biên lai số 0005643 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Văn Thời được chuyển thu đối trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9

Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang

